

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIVIN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIVIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AGRIVIN IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109797263

3. Ngày thành lập: 29/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Biệt thự 10T5, Nguyễn Hoàng Tôn, Khu đô thị Nam Thăng Long-Ciputra Hà Nội, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972499959

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: -Đại lý bán hàng hóa; -Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: -Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; -Bán buôn hoa và cây; -Bán buôn động vật sống -Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; -Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: -Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; -Bán buôn thủy sản; -Bán buôn rau, quả; -Bán buôn cà phê; -Bán buôn chè; -Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; -Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; -Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; -Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm -Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: -Bán buôn sắt, thép; -Bán buôn kim loại khác; (Trừ bán buôn vàng)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; -Bán buôn xi măng; -Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; -Bán buôn kính xây dựng; -Bán buôn sơn, vécni; -Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; -Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; -Bán buôn cao su -Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; -Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669

16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
17.	Trồng cây hàng năm khác	0119
18.	Trồng cây ăn quả	0121
19.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
20.	Trồng cây lâu năm khác	0129
21.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
22.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
23.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
25.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
26.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Chăn nuôi khác	0149
29.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
32.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
33.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
35.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
36.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
37.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
38.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
39.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Sản xuất nước ép từ rau quả; - Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
40.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
41.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
42.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
43.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
44.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
45.	Sản xuất đường	1072
46.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
47.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
48.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
49.	Sản xuất chè	1076

50.	Sản xuất cà phê	1077
51.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;	1079
52.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
54.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
55.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
56.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
57.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
58.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
59.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
60.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
61.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
62.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
63.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
64.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định	4932
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
66.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
67.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

68.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
69.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
72.	Cơ sở lưu trú khác	5590
73.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: -Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; -Cho thuê container	7730
74.	Xây dựng nhà để ở	4101
75.	Xây dựng nhà không để ở	4102
76.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình điện	4221
79.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
80.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
81.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
82.	Xây dựng công trình thủy	4291
83.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
84.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
85.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
86.	Phá dỡ	4311
87.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ nổ mìn)	4312
88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
89.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

90.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: -Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
91.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
92.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
93.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
94.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
95.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: -Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh -Bán lẻ phân bón - Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	Biệt thự số 44, Phan Đình Phùng, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	15,000	0271730001 05	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	15,000		
2	NGUYỄN QUỲ QUYỀN	Biệt thự số 44, Phan Đình Phùng, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	15,000	0010690023 42	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	15,000		

3	ĐẶNG THỊ VIỆT ANH	131A Ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	001169000324
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000	
4	LÊ ANH VIỆT	Phòng 1705 Tòa A4, Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	001091020487
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000	
5	NGUYỄN THỊ THÙY	Số 27, ngõ 25 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	022194007203
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG THỊ VIỆT ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 12/10/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001169000324

Ngày cấp: 02/07/2013

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *131A Ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *131A Ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội